

III. Luyện tập kĩ năng viết

Đề 1:

Dàn bài chung:

I. Câu chủ đề

- Giới thiệu ngắn về tác phẩm “Đi lấy mật” và nêu **chi tiết** thú vị đã chọn (như cách gác kèo, cách “thuần hóa” ong, cảnh thiên nhiên...).

II. Thân đoạn

1. Miêu tả chi tiết

- Tóm tắt bối cảnh xuất hiện chi tiết.
- Kể chính xác hành động/hình ảnh/ngôn từ liên quan.

2. Phân tích nghệ thuật và ý nghĩa

- Tác giả dùng biện pháp tu từ (từ láy, nhân hóa, so sánh...) ra sao để khắc họa chi tiết.
- Ý nghĩa chi tiết cho thấy điều gì về nghề lấy mật, con người vùng rừng Nam Bộ hoặc khung cảnh thiên nhiên.

3. Cảm xúc cá nhân

- Chia sẻ cảm giác (hồi hộp, khâm phục, tò mò...) khi đọc đến chi tiết đó.
- Liên hệ ngắn với trải nghiệm hoặc bài học bản thân rút ra.

III. Câu kết

- Khẳng định lại ấn tượng và **giá trị** của chi tiết đối với toàn bộ đoạn trích và cảm nhận của em.

Dàn bài cụ thể cho 1 chi tiết:

1. **Câu chủ đề:** Giới thiệu khái quát đoạn trích “Đi lấy mật” và nêu chi tiết ấn tượng: cách người dân U Minh “thuần hóa” ong rừng bằng tổ hình nhánh kèo.

2. **Câu 2 – So sánh phương pháp:** Đối chiếu: ở nhiều nơi người ta làm tổ nhân tạo (đồng, đất nung, sành...), còn ở U Minh người ta lại tận dụng nhánh kèo tự nhiên.
3. **Câu 3 – Giải thích nguyên nhân:** Vì người dân am hiểu tập tính ong rừng: ong chỉ chọn cành khô, tránh mùi sắt, nên họ đặt sẵn nhánh kèo khô làm “nhà” cho ong.
4. **Câu 4 – Mô tả quy trình tỉ mỉ:** Lựa chọn cành kèo khô, không để dính mùi dao; cố định nhánh trên cao, nơi khô ráo; kiên nhẫn chờ ong tự kéo tổ.
5. **Câu 5 – Phân tích nghệ thuật:** Tác giả dùng từ như “thuần hóa”, “tỉ mỉ”, biện pháp đối lập (tự nhiên – nhân tạo) và từ láy sinh động để khắc họa sự độc đáo.
6. **Câu 6 – Cảm xúc cá nhân:** Em khâm phục trí tuệ và sự sáng tạo của người dân, cảm thấy tò mò, muốn tìm hiểu thêm về nghề lấy mật.
7. **Câu kết:** Khẳng định chi tiết đó không chỉ làm phong phú hình ảnh cảnh rừng Nam Bộ mà còn thể hiện văn hóa gắn bó, hòa hợp với thiên nhiên của đồng bào U Minh.

Đề 2:

Dàn ý chi tiết

I. Mở đoạn

1. Giới thiệu tác phẩm và văn bản cần tóm tắt
 - Nêu rõ tên truyện ngắn: “Bầy chim chia vôi” của Nguyễn Quang Thiều.
 - Xác định mục đích của đoạn tóm tắt: khái quát toàn bộ câu chuyện.
2. Giới thiệu nhân vật chính
 - Mon: cậu bé nhạy cảm, giàu lòng nhân hậu, luôn lo lắng cho những sinh linh bé nhỏ.

- Mên: người anh tính cách cộc cằn, khiến Mon e ngại, nhưng thực ra cũng ẩn chứa trái tim ấm áp.

II. Thân đoạn

1. Tình huống khởi phát

- Đêm mưa bão, Mon phát hiện tổ chim chìa vôi sắp rơi do gió giật mạnh.
- Nỗi lo của Mon: nghĩ đến từng chú chim non dễ thương, bất an không ngủ được.

2. Cuộc đối thoại giữa hai anh em

- Mon thuyết phục Mên: phải cứu tổ chim để chim nhỏ không bị vùi lấp.
- Phản ứng ban đầu của Mên: ngạc nhiên, nghi ngờ kế hoạch, hỏi lại để chắc chắn.
- Sự đồng cảm và quyết tâm: Mên gật đầu đi cùng Mon, dù đêm tối, mưa gió.

3. Hành động cứu chim

- Hai anh em cùng vượt qua cơn bão: Mon dẫn đầu, Mên lùi sau, hỗ trợ Mon.
- Cảnh hai anh em che chở nhau dưới mưa, gió, băng qua bãi cát lầy.
- Họ dùng que nhẹ nhàng gỡ tổ chim, đặt tổ vào góc an toàn.

4. Khung cảnh phép màu

- Sau khi bão qua, bầy chim non xòe cánh, chao nghiêng và bay lên giữa mờ sáng.
- Hình ảnh chim vươn cánh lần đầu: ánh sáng yếu ớt nhưng tràn đầy hy vọng.
- Cảm xúc của Mon và Mên: kinh ngạc, xúc động trước sức sống mãnh liệt của thiên nhiên.

5. Nghệ thuật và ý nghĩa

- Nghệ thuật miêu tả: từ ngữ gợi hình (“chao nghiêng”, “xòe cánh”), đối lập (bão tố – bình minh).
- Thông điệp: khơi dậy lòng nhân ái, dạy trẻ em biết trân trọng và bảo vệ sự sống.

III. Kết đoạn

1. Khẳng định lại nội dung câu chuyện: hai anh em Mon và Mên dũng cảm cứu bầy chim chìa vôi trong đêm bão.
2. Nêu ý nghĩa sâu sắc:
 - Ca ngợi tấm lòng nhân ái của thiếu nhi, tinh thần dám vượt khó.
 - Thức tỉnh người đọc về trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên và mọi sinh linh bé nhỏ.

Đề 3:

Dàn ý chi tiết đoạn văn:

I. Mở đoạn

1. Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh sáng tác
 - Hữu Thỉnh – cây bút quen thuộc với những bài thơ về nông thôn, người lính.
 - “Sang thu” (1977) khắc họa khoảnh khắc giao mùa cuối hạ – đầu thu.
2. Nêu chủ đề từng chi tiết sẽ cảm nhận
 - Tinh tế qua hương ổi, sương mù, mây trời, sấm chớp và chim muông.

II. Thân đoạn

1. **Hương ổi phả vào gió se**
 - Hương ổi phả vào không gian, phả vào gió se.
 - Phân tích từ “phả”, “se”: khứu giác và xúc giác cùng gợi cảm giác mát lạnh, nhẹ nhàng.
 - Cảm xúc: băng khuâng, lâng lâng khi bất chợt ngửi thấy hương thu.

2. Sương đầu thu giăng mắc chùng chình

- Sương chùng chình giăng mắc khắp lối.
- Nhân hóa “sương chùng chình”: thời gian như chậm lại, khung cảnh nên thơ.
- Tác dụng: tạo không gian tĩnh lặng, “phủ” nhịp sống chậm rãi.

3. Mây vắt nửa mình sang thu và sấm bắt đầu

- Trích dẫn hai hình ảnh nối tiếp: “Mây trời...” và “Sấm bắt đầu.”
- Nhân hóa mây – “vắt nửa mình”: thiên nhiên lưu luyến, bâng khuâng; sấm – “bắt đầu”: con người trưởng thành dần dần đón sóng gió.
- Liên hệ: con người cũng phải học cách bình tĩnh trước thử thách.

4. Dòng sông dềnh dàng và chim vội vã

- Đối lập: thiên nhiên an yên – muông thú nhộn nhịp đón giao mùa.
- Ý nghĩa: nhịp sống vừa chậm rãi, vừa hối hả trong khoảnh khắc giao mùa.

III. Kết đoạn

1. Khẳng định lại ấn tượng chung. Những chi tiết ấy khiến em thấy thu sang nhẹ nhàng mà tinh khôi, man mác nỗi niềm.
2. Suy tư mở rộng

Bài thơ không chỉ tái hiện thiên nhiên mà còn gieo khát khao sống chậm, cảm nhận sâu sắc nhịp điệu cuộc đời.

Đề 4:

Dàn ý chi tiết

I. Mở đoạn

- Giới thiệu bài thơ và chủ đề tình mẫu tử: Nêu tên bài thơ “Gặp lá cơm nếp” – Thanh Thảo và cảm xúc chung về tình yêu thương mẹ.

II. Thân đoạn

1. Hoàn cảnh gợi nhớ

- Người con xa nhà nhiều năm, tình cờ gặp lá nếp gói xôi.
- Gợi ý trích: “bát xôi mùa gặt” – cảnh lên mùa, gợi nhớ khung trời quê.

2. Hương vị và ý nghĩa

- “Mùi xôi sao lạ lòng” – từ láy “lạ lòng” gợi sự bồi hồi, bất ngờ.
- Xôi là kết tinh công sức người mẹ tảo tần, biểu tượng của hơi ấm gia đình.

3. Câu thơ đắt giá

- Trích dẫn: “Mẹ già và đất nước: Chia đều nỗi nhớ thương”
- Phân tích: đặt mẹ ngang tầm đất nước, thể hiện tình sâu nặng không thể tách rời.

III. Kết đoạn

- Khẳng định lại cảm xúc: Lá cơm nếp đã khơi gợi trong em biết bao yêu thương, tri ân và khắc khoải nhớ mẹ suốt cuộc đời.

Đề 5:

Dàn ý chi tiết:

I. Mở bài

1. Giới thiệu chung

- Tác giả Ai-tơ-ma-tốp và truyện ngắn “Người thầy đầu tiên”.
- Đoạn trích nói về chuyến hành trình gieo con chữ nơi vùng cao.

2. Giới thiệu nhân vật

- Thầy Duy-sen – người thầy đầu tiên, đại diện cho tâm huyết và nghị lực của nhà giáo trong thời kỳ đổi mới.

II. Thân bài

1. Vẻ đẹp ngoại hình

- **Dáng vóc khắc khổ:** Thầy gầy gò, dáng đi chậm rãi, áo quần sờn vai phai màu.
- **Gương mặt ấm áp:** Ánh mắt hiền hậu, nụ cười nhẹ nhàng, toát lên sự kiên định và tin yêu.

2. Vẻ đẹp tâm hồn

- Lòng yêu nghề, tâm huyết

- Quyết tâm lên làng Xô-môn: bỏ lại thành phố đông đúc để dạy học ở vùng nghèo khó.
- Vượt mưa gió, đường trơn trượt để đến lớp: minh chứng cho ước mơ “mang ánh sáng tri thức” tới trẻ em.

- Tình thương học trò

- Yêu thương mọi học sinh, không phân biệt xuất thân: thường xuyên thăm hỏi, khích lệ.
- Chăm sóc cô bé An-tư-nai: dành riêng sách vở, khích lệ em vượt khó.

- Ý chí, nghị lực phi thường

- Không quản ngại gian khổ, mang sách vở tới với trẻ em vùng cao.
- Niềm tin vững vàng: khẳng định tương lai tươi sáng của các em sẽ thấp sáng quê hương.

3. Ý nghĩa hình tượng

- **Tấm gương yêu nghề:** Thầy Duy-sen là tiêu biểu cho nhà giáo tận tâm, luôn đặt sứ mệnh giáo dục lên hàng đầu.
- **Biểu tượng tình thương:** Thay mặt cho tình mẫu tử, tình bạn sư-sinh ấm áp.

- **Minh chứng nghị lực:** Nguồn cảm hứng cho thể hệ trẻ về tinh thần vượt khó và khát vọng học tập.

III. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị nhân vật: Thầy Đuy-sen là hình ảnh đẹp đẽ, đáng trân trọng trong văn học và đời sống.
- Nêu cảm nhận chung: Hình tượng thầy đã lay động lòng người, khơi gợi niềm tin vào sức mạnh của tri thức và tình yêu thương.

Đề 6:

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài

1. Giới thiệu đề tài: kể về nhân vật lịch sử mà em yêu thích.
2. Giới thiệu nhân vật Ngô Quyền: vị tướng, vua đầu tiên lập nên triều đại độc lập sau hơn ngàn năm Bắc thuộc.

II. Thân bài

1. Xuất thân và sự nghiệp ban đầu

- **Năm sinh – quê quán:** sinh năm 898 tại huyện Đường Lâm (thuộc Giao Châu, nay là Thuận Thành, Bắc Ninh).
- **Tham gia khởi nghĩa:** theo giúp Dương Đình Nghệ dẹp loạn vào năm 930; sau đó phò giúp con trai Dương Đình Nghệ là Dương Tam Kha.

2. Chuẩn bị và tiến hành trận Bạch Đằng (938)

- **Bối cảnh:** Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ, cầu cứu quân Nam Hán sang xâm lược.
- **Tập hợp lực lượng:** Ngô Quyền tập hợp nghĩa binh ở Đường Lâm, liên kết các hào trưởng.
- **Kế sách thủy chiến:** cho đóng cọc gỗ nhọn ngầm dưới nước theo hướng thủy triều lên – xuống.
- **Diễn biến trận đánh:** dụ quân Nam Hán vào sông Bạch Đằng khi thủy triều rút, ép địch sa lầy, tiêu diệt hoàn toàn.

- **Kết quả:** năm 938, tiêu diệt hoàn toàn hạm đội Nam Hán, kết thúc ngàn năm Bắc thuộc lần ba.

3. Chính sách cai trị và xây dựng đất nước

- **Tự xưng Vương:** đặt niên hiệu Thiên Phúc, đóng đô ở Cổ Loa (Hoa Lư).
- **Tổ chức bộ máy nhà nước:** phong quan, lập bộ luật sơ khởi, phân phong các châu và lộ.
- **Phát triển kinh tế – xã hội:** khuyến khích khai hoang, phục hồi nông nghiệp; khai thông thủy lợi.
- **Ổn định an ninh:** dẹp loạn nội bộ, củng cố biên cương.

4. Di sản và tầm ảnh hưởng

- **Bài học lịch sử:** nghệ thuật quân sự mưu lược, tận dụng địa lợi, “đánh chắc, đánh chắc”.
- **Tiền đề cho độc lập lâu dài:** mở đầu triều đại Ngô, tạo tiền đề cho các vương triều phong kiến tự chủ về sau.
- **Tấm gương yêu nước:** tinh thần quật cường, quyết tâm giành độc lập, bảo vệ nòi giống.

III. Kết bài

1. Khẳng định lại công lao vĩ đại của Ngô Quyền trong công cuộc giành và củng cố nền độc lập.
2. Cảm nghĩ cá nhân: ngưỡng mộ trí tuệ, lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh vì dân tộc của vị vua đất Giao Châu.

Đề 7:

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài

1. Giới thiệu sự kiện: Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954) – đòn quyết định chấm dứt ách đô hộ thực dân Pháp ở Đông Dương.
2. Nêu phương thức trình bày: theo trình tự thời gian và làm rõ ý nghĩa lịch sử.

II. Thân bài

1. Bối cảnh trước trận đánh

- Đầu những năm 1950, Pháp tìm cách phục hồi uy thế sau thất bại ở miền Bắc.
- Chọn Điện Biên Phủ – thung lũng chiến lược, cửa ngõ Tây Bắc – làm cứ điểm mạnh (năm 1953).

2. Chuẩn bị lực lượng và thế trận

- **Việt Minh**
 - Chỉ huy: Đại tướng Võ Nguyên Giáp.
 - Bí mật tập kết hơn 40.000 bộ đội và pháo binh
 - Xây dựng hệ thống hầm hào, công sự, giao thông nội bộ.
- **Pháp**
 - Trung tướng Đơ-ri-e chỉ huy, khoảng 16.000–20.000 quân đóng giữ các cứ điểm: Eliane, Béatrice, Gabriell.
 - Tin tưởng vào sức mạnh pháo hạm và không quân yểm trợ.

3. Diễn biến trận đánh

- **Giai đoạn I (13–30/11/1953) – Dựng trận địa**
 - Quân Việt Minh đào hầm phân đội, bố trí pháo trên các đồi Chì Nhi, A1, C1.
- **Giai đoạn II (13/1–31/3/1954) – Bao vây, bắn phá**
 - Hơn 20.000 viên đạn pháo bắn vào cứ điểm; cắt đứt đường tiếp tế, cô lập quân địch.
- **Giai đoạn III (1–7/5/1954) – Tổng công kích**
 - 2 đợt đánh chính: ngày 1–4/5 tiêu diệt cứ điểm Béatrice, Eliane; ngày 5–7/5 tập trung hỏa lực, quân Pháp đầu hàng.

4. Kết quả

- Toàn bộ cứ điểm Pháp ở Điện Biên Phủ thất thủ ngày 7/5/1954.
- Thu hơn 11.000 tù binh, hàng loạt pháo, máy bay, xe tăng, vũ khí hiện đại.

5. Ý nghĩa lịch sử

- **Độc lập dân tộc:** chấm dứt gần 100 năm đô hộ giặc Pháp; mở đường cho Hiệp định Genève (20/7/1954).
- **Quân sự – chiến lược:** minh chứng nghệ thuật “đánh chắc, tiến chắc”, tận dụng địa hình và lòng dân.
- **Tinh thần dân tộc:** biểu tượng sức mạnh đoàn kết, ý chí tự lực, tiếp thêm niềm tin cho phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới.

III. Kết bài

1. Khẳng định lại tầm vóc và ý nghĩa vĩ đại của chiến thắng Điện Biên Phủ.
2. Cảm nghĩ cá nhân: ngưỡng mộ trí tuệ, dũng khí của quân và dân ta; khơi dậy ý thức bảo vệ thành quả độc lập.

Đề 8:

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài

1. Giới thiệu Câu lạc bộ Khoa học tại trường: môi trường để học sinh khám phá, thực hành thí nghiệm.
2. Nêu vấn đề: để bảo vệ sức khỏe và hiệu quả thí nghiệm, quy tắc an toàn là vô cùng cần thiết.

II. Thân bài

1. Trang bị bảo hộ cá nhân

- Áo choàng thí nghiệm: chất liệu chịu hóa chất, bảo vệ quần áo thường.
- Kính bảo hộ: ngăn văng bắn dung dịch, mảnh vỡ.
- Găng tay phù hợp: dùng với hóa chất, dụng cụ sắc nhọn.

2. Quy tắc thao tác với hóa chất và dụng cụ

- Đọc kỹ nhãn mác và hướng dẫn trước khi sử dụng hóa chất.
- Pha chế đúng tỉ lệ, không trộn lẫn tùy tiện.
- Đặt ống nghiệm, bình cổ con trên giá chắc chắn; tránh để gần lửa, nguồn điện.
- Dùng kẹp gấp khi nung nóng; không trực tiếp cầm, cạo hay chọc.

3. Vệ sinh và xử lý chất thải

- Rửa tay ngay sau thí nghiệm, lau sạch dụng cụ.
- Thu gom hóa chất thừa vào thùng quy định, không đổ tràn ra bồn rửa.
- Phân loại rác thí nghiệm (sắc nhọn, hữu cơ, vô cơ) theo hướng dẫn trường.

4. Quy trình ứng phó sự cố

- Nằm rõ vị trí bình chữa cháy, vòi rửa mắt khẩn cấp, hòm cứu thương.
- Khi có cháy, hóa chất đổ tràn, vỡ thủy tinh: báo ngay giáo viên, đồng đội hỗ trợ sơ cứu.
- Không hoảng loạn, di chuyển người ra khu vực an toàn, chờ hướng dẫn.

III. Kết bài

1. Khẳng định lại tầm quan trọng của quy tắc an toàn trong thí nghiệm Khoa học.
2. Kêu gọi mọi thành viên CLB tuân thủ nghiêm túc để bảo vệ bản thân, bạn bè và nâng cao chất lượng học tập.

Đề 9:

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài

1. Giới thiệu trò chơi dân gian

- Xác định khái niệm trò chơi dân gian: hoạt động giải trí tập thể, lưu truyền truyền thống.

2. Giới thiệu trò “kéo co”

- Trò chơi kéo co là một trong những trò dân gian phổ biến, thường xuất hiện trong lễ hội, ngày hội thể thao học đường.

II. Thân bài

1. Khái niệm và nguồn gốc

- **Khái niệm:** Kéo co là trò chơi đối kháng tập thể, hai đội giằng co một sợi dây để giành chiến thắng.
- **Nguồn gốc:**
 - Bắt nguồn từ phong tục nông thôn, khởi phát trong lễ hội cầu mùa.
 - Được duy trì qua các thế hệ, nay phổ biến trong trường học, cộng đồng.

2. Điều kiện tổ chức

- **Số lượng người chơi:**
 - Mỗi đội 8–12 người (tùy quy mô), tổng khoảng 16–24 người.
- **Dụng cụ:**
 - Sợi dây thừng dài khoảng 15–20 m, chắc chắn, đường kính 3–5 cm;
 - Cọc gỗ hoặc băng vạch giữa sân để đánh dấu vạch thắng.
- **Không gian:**
 - Sân đất bằng phẳng, không có chướng ngại vật, kích thước 5 m × 15 m (có thể điều chỉnh).

3. Luật chơi chi tiết

1. Chia đội và vị trí

- Hai đội xếp thành hàng dọc, mặt đối mặt qua vạch giữa.
- Trọng tài đặt cọc hoặc băng vạch chính giữa làm “vạch trung tâm”.

2. Cầm dây và chuẩn bị

- Mỗi người cầm dây bằng hai tay, khoảng cách đều nhau; chân chùng, thẳng bằng vững.
- Hai đầu dây không được quấn quanh người.

3. Các bước thi đấu

- Tín hiệu “Bắt đầu” của trọng tài (còi hoặc hô).
- Hai đội kéo đồng thời, hướng ngược nhau.
- Đội thắng là đội kéo vạch trung tâm vượt qua vạch quy định của đội bạn (cọc hoặc băng vạch của đối phương).

4. Quy định công bằng

- Không được nhảy múa trên dây, không ngồi, không dùng mũi chân cản đối phương;
- Không xô đẩy, va chạm mạnh; người vi phạm bị nhắc nhở hoặc loại khỏi lượt thi.

5. Kết thúc

- Mỗi hiệp kéo kéo trong 1–2 phút hoặc đến khi có đội thắng;
- Có thể thi 3 hiệp, đội thắng 2/3 hiệp giành chiến thắng chung cuộc.

4. An toàn và tổ chức

● Bảo đảm an toàn:

- Kiểm tra dây, sân chơi; khuyến khích mang giày thể thao.
- Lắp đặt biển cảnh báo, có y tế sơ cứu gần đó.

● Vai trò trọng tài và cổ động viên:

- Trọng tài theo dõi công bằng, xử lý vi phạm;
- Cổ động viên hò reo tạo không khí, nhưng không được can thiệp vào sân chơi.

III. Kết bài

1. Khẳng định lại ý nghĩa

- Kéo co giúp rèn luyện sức khỏe, tinh thần đồng đội, ý chí bền bỉ.

2. Kêu gọi

- Mời các em tích cực tham gia, tuân thủ luật lệ để trò chơi diễn ra vui – khỏe – an toàn.

Đề 10:

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài

1. **Đặt vấn đề:** Vai trò của sách tham khảo trong học tập, nghiên cứu và trau dồi kiến thức.
2. **Ý nghĩa của việc đọc hiệu quả:** Giúp tiết kiệm thời gian, tiếp thu sâu, vận dụng tốt hơn vào thực tiễn.

II. Thân bài

1. Xác định mục tiêu và chọn tài liệu

- **Xác định nhu cầu:** Tìm thêm lý thuyết, mở rộng ví dụ, ôn tập kiến thức đã học.
- **Chọn sách phù hợp:** Độ khó tương ứng trình độ; tác giả, xuất bản uy tín; nội dung cập nhật.

2. Chuẩn bị trước khi đọc

- **Khảo sát sơ bộ:** Đọc mục lục, lời nói đầu và lời giới thiệu để nắm cấu trúc chung.
- **Lập kế hoạch đọc:** Phân chia chương mục theo thời gian, đánh dấu phần cần ưu tiên.

3. Phương pháp đọc mục tiêu

- **Đọc lướt:** Nắm ý chính mỗi chương, đoạn tiêu đề.
- **Đọc quét:** Tìm nhanh thông tin, con số, từ khóa cụ thể.
- **Đọc chuyên sâu:** Phân tích, đánh giá, so sánh quan điểm; ghi chú, đặt câu hỏi.

4. Kỹ năng ghi chú và tóm tắt

- **Ghi chú biên lề:** Dấu chấm đầu dòng, bút highlight, ký hiệu “?”, “!”...
- **Lập sơ đồ tư duy / bảng tổng hợp:** Tóm tắt ý chính, hệ thống hóa kiến thức theo chủ đề.
- **Viết tóm tắt ngắn:** Mỗi chương 2–3 câu, giúp ôn lại nhanh.

5. Ứng dụng và ôn tập

- **So sánh nhiều nguồn:** Đối chiếu quan điểm, bổ sung lẫn nhau.
- **Vận dụng vào bài tập, dự án:** Trích dẫn dẫn chứng, minh họa ý kiến.
- **Ôn định kỳ:** Nhắc lại tóm tắt, sơ đồ tư duy sau 1 tuần, 1 tháng.

6. Quản lý và bảo quản sách

- **Phân loại và lưu trữ:** Theo môn học, theo chủ đề; đặt kệ gọn gàng.
- **Bảo quản:** Giữ sạch bìa, sẵn dụng cụ đánh dấu không làm hỏng sách.

III. Kết bài

1. **Khẳng định lại tầm quan trọng:** Đọc sách tham khảo hiệu quả là chìa khóa nâng cao kiến thức và kỹ năng học tập.
2. **Lời kêu gọi:** Mỗi học sinh, sinh viên cần trang bị và thực hành nghiêm túc những quy tắc trên để đạt kết quả cao.

Đề 11:

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài

1. **Giới thiệu chung:** Nhắc đến tầm quan trọng của tình bạn trong cuộc sống học đường.
2. **Giới thiệu người bạn thân:** Nêu tên (biệt danh), lớp, hoàn cảnh lần đầu tiên gặp gỡ hoặc quen biết.

II. Thân bài

1. Tính cách nổi bật của bạn

- **Chân thành, thẳng thắn:** Luôn nói ra suy nghĩ, sẵn sàng góp ý khi mình sai.
- **Ân cần, quan tâm:** Trong những lúc mình buồn, bạn luôn lắng nghe, an ủi.
- **Hài hước, sôi nổi:** Khi bạn lên tiếng, cả nhóm vui bớt căng thẳng, học tập hăng say hơn.

2. Kỷ niệm đáng nhớ

- **Tình huống chia sẻ khó khăn**
 - Ví dụ: lúc mình lo lắng về bài kiểm tra Toán, bạn đã kèm học đến tận tối.
- **Hoạt động chung đầy niềm vui**
 - Ví dụ: cùng tham gia văn nghệ, tổ chức sinh nhật bất ngờ cho bạn.

3. Ảnh hưởng tích cực đến bản thân

- **Giúp mình tự tin hơn**
 - Nhờ sự động viên, mình dám phát biểu ý kiến trước lớp.
- **Học được bài học về lòng trung thực và sẻ chia**
 - Thấy bạn không ngại khó, nhờ đó mình cũng chịu khó giúp đỡ bạn bè khác.

4. Sợi dây kết nối

- **Sở thích chung:** Cùng mê bóng đá, chơi cờ hoặc vẽ tranh.
- **Thói quen nhỏ**
 - Hàng ngày cùng nhau điểm danh ở cổng trường, cùng ngồi ăn trưa.

III. Kết bài

1. **Khẳng định lại giá trị tình bạn:** Người bạn thân là chỗ dựa tinh thần, là niềm vui mỗi ngày đến lớp.
2. **Lời hứa hoặc mong ước:** Hứa sẽ bảo vệ, giữ gìn tình bạn; mong muốn cùng bạn bên nhau mãi đến tương lai.

Đề 12:

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài

1. **Giới thiệu chung:** Khái quát về việc ai cũng có thể mắc sai lầm trong cuộc sống.
2. **Nêu lỗi lầm định kể:** Giới thiệu ngắn gọn về lỗi lầm mà em đã mắc (ví dụ: nói dối cô giáo, làm vỡ đồ, trốn học...).

II. Thân bài

1. Hoàn cảnh xảy ra lỗi lầm

- **Thời gian, địa điểm:** Hồi lớp mấy, trong tiết học/buổi sinh hoạt ngoại khóa...
- **Nguyên nhân ban đầu:** Áp lực điểm số, tò mò, ham chơi, hoặc mất bình tĩnh.

2. Diễn biến lỗi lầm

- **Hành động cụ thể:** Kể từng bước em đã làm:
 - Ví dụ “Em đã giấu bài kiểm tra về nhà sửa trước rồi nộp...”
- **Hậu quả tức thì:** Cô giáo phát hiện, bạn bè bất ngờ, kết quả bài thi không được công nhận...

3. Cảm xúc khi nhận ra mình sai

- **Xấu hổ, hối hận:** Tim đập nhanh, mặt nóng bừng, muốn trốn tránh ánh mắt mọi người.
- **Lo lắng, sợ hãi:** Sợ cô phạt, sợ mất lòng tin của bạn bè và gia đình.

4. Hành động khắc phục

- **Xin lỗi:** Em chủ động đến gặp cô giáo/bạn bị ảnh hưởng để thừa nhận lỗi.
- **Sửa sai:** Làm lại bài kiểm tra, đền bù vật dụng, hoặc cam kết không tái phạm.

- **Sự tha thứ:** Cô giáo/bạn bè chấp nhận lời xin lỗi, em nhận được cơ hội sửa chữa.

5. Bài học rút ra

- **Giá trị của trung thực và trách nhiệm:** Thà chịu thiệt trước, chứ không nên che giấu sai lầm.
- **Tự trọng và niềm tin:** Mất một lần niềm tin dễ hơn gì quay lại.
- **Cảm nhận về tình yêu thương, sự bao dung:** Nhờ cô/bạn cho em cơ hội mà em thấy được lòng nhân ái.

III. Kết bài

1. **Khẳng định lại bài học:** Sai lầm dù nhỏ cũng có thể để lại hậu quả; trung thực luôn được trân trọng.
2. **Lời hứa:** Cam kết sẽ mang bài học này suốt cuộc đời, không ngừng hoàn thiện bản thân.

Đề 13:

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài

1. **Giới thiệu vấn đề:** Trong giáo dục và cuộc sống, nhiều người coi trọng **kết quả** học tập (điểm số, thành tích), nhưng cũng có ý kiến cho rằng **quá trình** học tập mới là yếu tố quyết định thành công lâu dài.
2. **Luận đề:** Em **tán thành** quan điểm “Quá trình học tập quan trọng hơn kết quả” vì nó rèn luyện tư duy, kỹ năng, ý chí, giúp con người phát triển toàn diện.

II. Thân bài

1. Luận điểm 1: Quá trình học tập giúp rèn luyện tư duy và kỹ năng

- **Giải thích:** Quá trình học tập bao gồm tìm hiểu, thực hành, sai-sửa, phản biện, giúp hình thành phương pháp và thói quen tự học.
- **Ví dụ minh họa**

- **Thomas Edison:** hơn 10.000 lần thất bại thử nghiệm bóng đèn, mỗi lần là một bài học quý giá chứ không phải thất bại đơn thuần.
- **Vận động viên:** quá trình tập luyện hằng ngày, khổ luyện trong phòng gym mới tạo nên thành tích trên bục huy chương.

2. Luận điểm 2: Kết quả chỉ là hệ quả tạm thời, không phản ánh toàn diện

- **Giải thích**

- Điểm thi, thành tích có thể bị ảnh hưởng bởi may mắn, áp lực tâm lý, không đo được sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề.

- **Minh chứng**

- Học sinh chăm chỉ ôn thi “đề cũ” đạt điểm cao nhưng khi ra thực tế thiếu kỹ năng vận dụng.
- Sinh viên tốt nghiệp bằng loại giỏi nhưng thiếu kỹ năng mềm, khó hòa nhập môi trường làm việc.

3. Phản biện – vai trò của kết quả

- **Thừa nhận:** Kết quả học tập là thước đo ban đầu, giúp định hướng, động viên và đánh giá tiến trình.
- **Phân tích:**
 - Nếu chỉ chạy theo kết quả mà bỏ qua quá trình, người học dễ sa vào học tủ, gian lận, mất đam mê.
 - Quá trình tốt sẽ tự nhiên dẫn đến kết quả bền vững; kết quả gián đoạn không dựa trên nền tảng vững chắc.

III. Kết bài

1. **Khẳng định lại quan điểm:** Quá trình học tập với việc rèn luyện tư duy, kỹ năng và thái độ tích cực là nền tảng cho mọi thành công, quan trọng hơn kết quả tức thời.

2. **Khuyến nghị:** Mỗi người học cần tập trung vào hành trình khám phá, sửa sai và cải thiện bản thân để kết quả thực sự là thành tựu bền vững.

Đề 14:

Dàn bài chi tiết

I. Mở bài

1. **Dẫn dắt:** Trong cuộc sống, thất bại luôn song hành cùng nỗ lực và là trải nghiệm không thể tránh khỏi.
2. **Luận đề:** Em **tán thành** ý kiến trên vì thất bại là phép thử quý giá, giúp con người trưởng thành và hướng tới thành công thực sự.

II. Thân bài

1. Giải thích ý kiến

- **“Thất bại”:** kết quả không như mong đợi sau nỗ lực.
- **“Kẻ thua cuộc”:** người bỏ cuộc, chấp nhận dừng lại, không đứng lên sau vấp ngã.
- **Ý chính:** Thất bại chỉ là tạm thời nếu ta biết đứng dậy, còn kẻ thua cuộc thật sự là người đầu hàng trước khó khăn.

2. Luận điểm 1 – Thất bại đem lại bài học quý giá

- **Giải thích:** Mỗi sai lầm, mỗi lần vấp ngã đều ẩn chứa kinh nghiệm giúp ta cải thiện phương pháp, kiến thức và kỹ năng.
- **Minh chứng:**
 - **Thomas Edison:** hơn 10.000 lần thất bại mới chế tạo thành công bóng đèn; ông xem mỗi lần “thất bại” là khám phá mới chứ không phải thất bại.
 - **J.K. Rowling:** bị từ chối hơn 12 lần mới xuất bản “Harry Potter”, thất bại kích thích bà hoàn thiện bản thảo.

3. Luận điểm 2 – Thất bại rèn luyện ý chí và tính kiên trì

- **Giải thích:** Qua mỗi thất bại, con người học cách chịu đựng áp lực, củng cố ý chí và không ngừng vươn lên.

- **Minh chứng:**

- **Vận động viên thể thao:** thất bại ở giải nhỏ là động lực để họ khổ luyện, nâng cao kỹ thuật, rồi vươn tới vinh quang ở giải quốc tế.
- **Học sinh:** điểm kém lần đầu không khiến em bỏ cuộc mà thúc đẩy em tìm phương pháp học mới, cuối cùng đạt điểm cao.

4. Phản biện – phân biệt rõ thất bại và kẻ thua cuộc

- **Thừa nhận vai trò kết quả:** Kết quả giúp đánh giá tạm thời, nhưng không quyết định con đường lâu dài.
- **Phân tích:**
 - Người chỉ mới thất bại vẫn giữ niềm tin, tiếp tục thử sức; còn kẻ thua cuộc là người ngừng cố gắng, chấp nhận tình trạng đó mãi mãi.
- **Ví dụ:**
 - Một start-up thất bại giai đoạn đầu nhưng rút kinh nghiệm, tái khởi nghiệp thành công; trái lại, doanh nghiệp đầu tư rồi bỏ cuộc sau thất bại nhỏ mãi không thể khôi phục.

III. Kết bài

1. **Khẳng định lại quan điểm:** Thất bại không phải là dấu chấm hết mà là bước đệm để ta học hỏi, kiên trì và tiến tới thành công; chỉ kẻ bỏ cuộc mới thật sự thất bại.
2. **Lời kêu gọi:** Mỗi người hãy can đảm đối mặt với thất bại, xem nó là cơ hội hoàn thiện bản thân, để không bao giờ trở thành “kẻ thua cuộc.”

Đề 15:

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài

1. **Giới thiệu vấn đề:** Vệ sinh lớp học là một phần trong vệ sinh chung của trường học, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tinh thần học tập.
2. **Luận đề:** Em hoàn toàn đồng ý rằng “Giữ gìn vệ sinh lớp học là trách nhiệm của mỗi học sinh”.

II. Thân bài

1. Luận điểm 1: Bảo vệ sức khỏe bản thân và cộng đồng

- **Giải thích:** Lớp học sạch sẽ, khô thoáng giúp ngăn chặn vi khuẩn, virus, bụi bẩn.
- **Minh chứng:** Thống kê mùa cúm, mùa COVID: lớp không được vệ sinh thường xuyên dễ lây lan dịch bệnh.
- **Liên hệ:** Khi em cùng bạn quét dọn, lau bàn ghế, em thấy không khí thoáng đãng, học tập sáng khoái.

2. Luận điểm 2: Nâng cao hiệu quả học tập và tinh thần chung

- **Giải thích:** Phòng học ngăn nắp, bảng sạch, sàn sáng giúp học sinh tập trung, tiết kiệm thời gian tìm tài liệu.
- **Minh chứng:** Em từng trải nghiệm: lớp dơ, bàn bẩn, nhiều giấy vụn khiến em phân tâm, mất tập trung.
- **Liên hệ:** Ngược lại, khi tự tay lau bảng, sắp xếp sách vở, em và bạn cảm thấy tự hào, yêu lớp học hơn.

3. Luận điểm 3: Thể hiện ý thức, trách nhiệm công dân tương lai

- **Giải thích:** Giữ vệ sinh lớp học là bước đầu hình thành thói quen văn minh, kỷ luật; là biểu hiện của tình yêu tập thể.
- **Minh chứng:** Phong trào “Ngày thứ Bảy xanh” ở trường: học sinh tự nguyện dọn lớp, trồng hoa, lau cửa sổ.
- **Liên hệ:** Em tích cực tham gia lao động tập thể, cùng bạn chăm sóc góc cây xanh, tự giác nhắc bạn bè không xả rác.

4. Phản biện (nếu có)

- **Lập luận ngắn:** Một số bạn cho rằng lau dọn vất vả, mất thời gian học.

- **Phản bác:** Dọn dẹp chỉ mất 5–10 phút, bù lại cả ngày học hiệu quả, còn giúp rèn luyện tính tự giác.

III. Kết bài

1. **Khẳng định lại quan điểm:** Giữ gìn vệ sinh lớp học không chỉ là bổn phận mà còn là quyền lợi của mỗi học sinh.
2. **Kêu gọi hành động:** Mỗi bạn hãy tích cực làm việc nhỏ hằng ngày, vì một môi trường học tập “sạch – đẹp – khỏe – vui”.